

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29 – 8 - 2025

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Thúy.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thịnh và ông Đậu Cao Nhu.

Thư ký phiên toà: Bà Vũ Hoàng Phương- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Nghệ An tham gia phiên toà: bà Vũ Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 120/2025/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 8 năm 2025, về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1994.
- CCCD: 040194047055, cấp ngày 16 tháng 02 năm 2022

Địa chỉ thường trú: thôn Đ, Phường T (xã Q, thị xã H cũ), tỉnh Nghệ An.

Nơi ở hiện nay: 559 A/8 QL1. Ấp A, xã A, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: anh Trần Xuân B, sinh năm năm 1987.

Nơi cư trú: thôn Đ, Phường T (xã Q, thị xã H cũ), tỉnh Nghệ An. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/10/2024, bản tự khai ngày 02/10/2024, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Chị và anh Trần Xuân B kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An vào ngày 27/02/2013. Sau khi

kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc. Tuy nhiên vì hoàn cảnh gia đình năm 2022 anh Trần Xuân B đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan vẫn thường xuyên liên lạc qua mạng xã hội facebook. Nhưng vì khoảng cách địa lý quá xa không có thời gian dành cho nhau vì thế vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, xảy ra mâu thuẫn cãi vã, dần dần vợ chồng tình cảm rạn nứt, chị đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả. Năm 2023 vợ chồng cắt đứt liên lạc với nhau. Nay nhận thấy, mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Trần Xuân B.

- Về con chung: quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là Trần Xuân S, sinh ngày 09/10/2014 và cháu Trần Xuân P, sinh ngày 26/10/2019. Hiện đang sống với chị, nếu ly hôn chị M có nguyện vọng được nuôi cả 02 con mà không yêu cầu anh Trần Xuân B cấp dưỡng nuôi các con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do tính chất công việc và đi lại khó khăn nên chị M đề nghị Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt.

Về phía anh Trần Xuân B, tại bản tự khai ngày 19/6/2025, bị đơn anh Trần Xuân B đã có quan điểm về việc giải quyết vụ án mà chị Nguyễn Thị M yêu cầu ly hôn như sau:

Anh Trần Xuân B thừa nhận điều kiện, thời gian đăng ký kết hôn; mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do trong cuộc sống không hòa hợp từ năm 2022 anh B đi nước ngoài vì khoảng cách địa lý quá xa không có thời gian dành cho nhau vì thế vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, xảy ra mâu thuẫn cãi vã, dần dần vợ chồng tình cảm rạn nứt, hai vợ chồng cũng đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả. Năm 2023 vợ chồng cắt đứt liên lạc với nhau. Nay chị M yêu cầu ly hôn, anh B đồng ý chấp nhận.

- Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là Trần Xuân S, sinh ngày 09/10/2014 và cháu Trần Xuân P, sinh ngày 26/10/2019 hiện đang ở với chị M. Nếu ly hôn anh đồng ý giao 02 con cho chị M chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì lý do công việc không ổn định nên hiện tại anh chưa thể cấp dưỡng cho các con được và chị M chưa yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay anh Trần Xuân B đi làm ăn xa không có ở địa phương nên có đơn đề nghị Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt.

Cháu Trần Xuân S và cháu Trần Xuân P trình bày nguyện vọng: nếu bố mẹ cháu ly hôn, 2 cháu xin được ở với mẹ cháu là Nguyễn Thị M, để đảm bảo cuộc sống sinh hoạt và học tập.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Nghệ An phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Về thủ tục tố tụng của Thẩm phán: Thẩm quyền thụ lý vụ án; quan hệ tranh chấp; hồ sơ vụ án được lập đầy đủ, xác định tư cách nguyên đơn, bị đơn; xác minh, thu thập chứng cứ; Việc tổ chức phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu, chứng cứ và phiên hoà giải; thời hạn giải quyết vụ án; tổng đạt các văn bản tố tụng đều thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng. Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân thủ các quy định của BLTTDS. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí xử: chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị M; cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Trần Xuân B.

- Về con chung: Đề nghị giao 02 cháu Trần Xuân S, sinh ngày 09/10/2014 và cháu Trần Xuân P, sinh ngày 26/10/2019 cho chị M chăm sóc và nuôi dưỡng đến lúc 18 tuổi, trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con: hiện nay chị M không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung, tài sản chung: Dương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Án phí: Buộc chị Nguyễn Thị M phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra và ý kiến của Đại diện Kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Nghệ An tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Thị M có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Trần Xuân B đây là vụ án: “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng năm 2015. Anh Trần Xuân B có nơi cư trú: thôn Đ, Phường T (xã Q, thị xã H cũ), tỉnh Nghệ An. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Nghệ An.

Về việc xét xử vắng mặt: Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Vì vậy, căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị M vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đồng thời giữ nguyên nội dung khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Trần Xuân B và yêu cầu được nuôi hai con chung. Xét thấy, chị M và anh B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi vã và gây sự với nhau. Nguyên nhân là do khoảng cách về địa lý, tính tình, quan điểm sống và lối sống của cả hai không hợp nhau. Mặc dù nhiều lần chị M cũng hàn gắn tình cảm nhưng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng và không giải quyết được. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị M và anh B ly hôn.

[2.2] Về con chung: chị Nguyễn Thị M và Trần Xuân B có 02 con chung là Trần Xuân S, sinh ngày 09/10/2014 và cháu Trần Xuân P, sinh ngày 26/10/2019 đang sống với chị M ở Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện nay anh B công việc không ổn định, anh chưa thể cấp dưỡng cho các con được. chị M có nguyện vọng nuôi dưỡng và chăm sóc cả hai con. Vì vậy, giao hai con chung là cháu Trần Xuân S và cháu Trần Xuân P cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế về việc nuôi con và đúng quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: hiện tại, do chị M không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét.

[2.3] Về tài sản, nợ chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Trần Xuân B không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[3] Về án phí: chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 104, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28; **khoản 1 Điều 35**; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M. Chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Trần Xuân B.

2. Về con chung:

2.1. Giao hai con chung là cháu Trần Xuân S, sinh ngày 09/10/2014 và cháu Trần Xuân P, sinh ngày 26/10/2019 cho chị M chăm sóc và nuôi dưỡng đến lúc 18 tuổi, trưởng thành.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị M chưa yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, người trực tiếp nuôi con có thể bị thay đổi theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn. Được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai 0013125 ngày 11/10/2024 tại Thi hành án Dân sự tỉnh Nghệ An.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 4 – Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND phường Tân Mai;
- Đường sự;
- Lưu HS, VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thúy

